

# TÌM HIỂU QUY ĐỊNH BIỆN LỄ TRONG CÁC KỲ CÚNG TẾ QUA MỘT SỐ VĂN BẢN TỤC LỆ HÁN NÔM TỈNH HÀ ĐÔNG

**Ngô Thị Thanh Tâm**

*Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

**Tóm tắt:** Tế tự là một trong những tục lệ quan trọng, hiện diện trong hầu hết các văn bản tục lệ Hán Nôm của tỉnh Hà Đông. Trong đó, quy định lễ vật cúng tế và đối tượng sắm lễ là nội dung chính yếu của tục lệ tế tự trong các kỳ cúng tế hàng năm. Việc tìm hiểu về nội dung quy định biện lễ, về sự khác nhau và thay đổi của quy định biện lễ, để nhằm hướng đến việc nhận diện được nét đặc trưng của quy định biện lễ trong các tiết cúng tế, cũng như hiểu rõ hơn tính chất của sự thay đổi quy định biện lễ giữa tục cũ và tục mới của tục lệ tế tự của tỉnh Hà Đông nói riêng, và Bắc Kỳ nói chung trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm.

**Từ khóa:** Biện lễ, cúng lễ, lễ vật, tỉnh Hà Đông, tục lệ.

Nhận bài ngày 17.10.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.12.2023

Liên hệ tác giả: Ngô Thị Thanh Tâm; Email: ngothanhtam.vhn@gmail.com

## 1. MỞ ĐẦU

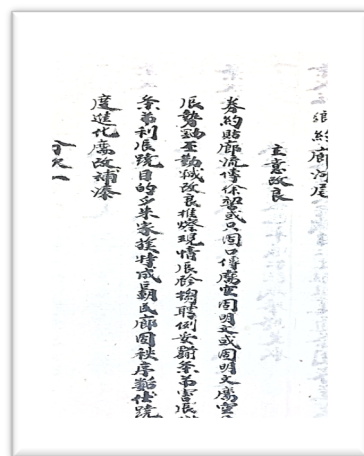
Tục lệ tế tự xưa kia, trong một năm không chỉ diễn ra khá nhiều tiết lễ thờ cúng, mà còn kèm theo đó là những quy định chặt chẽ, cụ thể về cỗ cúng, người sắm lễ, nguồn kinh phí sắm lễ, người tham gia cúng tế và thụ lộc, cỗ biếu,... Trong đó, quy định về biện lễ (bao gồm cỗ cúng tế và người sắm lễ) trong các kỳ tế tự là công việc thiết yếu, tiên quyết trong các kỳ tế lễ hàng năm.

Điều này thể hiện rõ trong một số văn bản tục lệ chữ Nôm giai đoạn cải lương hương tục thí điểm<sup>1</sup>, và một số văn bản tục lệ viết bằng chữ Hán có ghi rõ sự thay đổi về quy định thụ lộc của tỉnh Hà Đông hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và tại kho sách của Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội, cho thấy, những quy định chi tiết, rõ ràng về việc biện lễ đối với từng tiết lễ diễn ra trong năm; những sự biến chuyển của các quy định đó trong chiều không gian và thời gian, từ đó, góp phần tư liệu có giá trị trong việc tìm hiểu, nghiên cứu tục lệ tế tự nói riêng, văn hóa làng xã Việt Nam nói chung.

## 2. NỘI DUNG

<sup>1</sup> Giai đoạn thí điểm: “tức trước thời điểm ban hành *Nghị định và lời chỉ thị về việc lập các Hương hội và lập sổ chi thu các xã trong xứ Bắc kỳ* - gọi tắt là *Nghị định* – thời điểm tiến hành cải lương chính thức”. (Theo tác giả Đào Phương Chi (2013), “Sự thay đổi về tế tự trong cải lương hương tục thí điểm tại Bắc kỳ qua các văn bản tục lệ chữ Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4/2013).

Để tìm hiểu quy định biện lễ trong các kỳ tế tự, chúng tôi tiến hành tìm hiểu, khảo cứu một số văn bản tục lệ Hán Nôm của tỉnh Hà Đông ghi chép về lễ tế tự, mà cụ thể là về quy định biện lễ trong các kỳ cúng tế hàng năm ở dưới đây:



(Trang 3, văn bản mang kí hiệu HUN.407, được cung cấp bởi Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội)

**Bảng 1.** Bảng thống kê điều lệ về tế tự có trong một số văn bản tục lệ của huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông

| TT | Văn bản                                                                               | Số điều lệ về tế tự | Niên đại           | Kí hiệu |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 1  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Phú Xuyên huyện Mỹ Lâm tổng <b>Ứng Hòa xã</b> phong tục.  | 5                   | Khải Định 2 (1917) | HUN.352 |
| 2  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thanh Trì huyện Vĩnh Ninh tổng <b>Vĩnh Thị xã</b> tục lệ. | 5                   | Duy Tân 9 (1915)   | HUN.356 |
| 3  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Dương Hiên xã</b> hương ước.                           | 8                   | Khải Định 6 (1921) | HUN.363 |
| 4  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Vĩnh Lộc làng</b> hương ước.                           | 3                   | Khải Định 5 (1920) | HUN.370 |
| 5  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Phú Cốc làng</b> hương ước.                            | 3                   | Khải Định 6 (1921) | HUN.371 |
| 6  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Đại Gia xã</b> hương ước.                              | 5                   | Khải Định 6 (1921) | HUN.374 |
| 7  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Ba Lãng làng</b> hương ước.                            | 4                   | Khải Định 5 (1920) | HUN.389 |
| 8  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Bình Vọng xã</b> hương ước.                            | 8                   | Khải Định 6 (1921) | HUN.390 |
| 9  | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên tổng <b>Hà Vĩ xã</b> hương ước.                   | 3                   | Khải Định 5 (1920) | HUN.407 |
| 10 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Bạch Liên xã</b> hương ước.                            | 7                   | Khải Định 6 (1921) | HUN.417 |
| 11 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Đồng</b>                                               | 3                   | Khải Định 6        | HUN.421 |

|    |                                                                           |    |                    |          |
|----|---------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|----------|
|    | <b>Quan xã</b> hương ước.                                                 |    | (1921)             |          |
| 12 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Thụy Phú xã</b> hương ước.                 | 5  | Khải Định 6 (1921) | HU'N.431 |
| 13 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Trát Cầu xã</b> hương ước.                 | 5  | Khải Định 6 (1921) | HU'N.433 |
| 14 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ <b>Tự Nhiên Châu xã</b> hương ước.            | 6  | Khải Định 5 (1920) | HU'N.434 |
| 15 | Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên xã <b>Yên Định thôn</b> hương ước.    | 6  | Khải Định 5 (1920) | HU'N.436 |
| 16 | Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thịnh Đức Hạ tổng Thịnh Đức Thượng xã tục lệ | 23 | Duy Tân 4 (1910)   | AF.a2/44 |

Bảng thống kê trên cho thấy, văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông có niên đại khá muộn, chủ yếu trong khoảng từ năm 1915-1921, đồng thời, đây cũng là khoảng thời gian mà các văn bản tục lệ phản ánh khá rõ nét những thay đổi đáng kể trên nhiều phương diện, trong đó có tục lệ về tế tự; số lượng điều lệ tế tự không nhiều với đa phần chỉ 3, 4 hoặc 5, 6 điều lệ,... Song, các điều lệ về tế tự đó ít nhiều phản ánh được sự đa dạng các tiêu mục tế tự, các quy định cụ thể về việc biện lễ trong các kỳ cúng tế. Cụ thể như sau:

### 2.1. Các tiết lễ có ghi chép về việc biện lễ cúng tế

Qua tìm hiểu, khảo sát về công việc biện lễ thuộc phần mục *Tế tự* trong một số văn bản cải lương hương tục thí điểm viết bằng chữ Nôm của phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, cho thấy: 1. Quy định về việc biện lễ được đề cập đến trong hầu hết các tiết lễ cúng tế trong năm; 2. Các tiết lễ cúng tế diễn ra hàng năm ở các địa phương thuộc tỉnh Hà Đông có nội dung khá đa dạng và phong phú, với 41 tiêu mục tế tự được đề cập đến trong các văn bản tục lệ ghi chép về tế tự. Có thể thấy, việc cúng tế của tỉnh Hà Đông được tiến hành thường xuyên, liên tục trong suốt một năm.

Theo thống kê, cho thấy: Một là, *Về số lượng văn bản tục lệ ghi chép việc biện lễ*: Các văn bản tục lệ đều ghi chép về việc biện lễ, trong đó, có tới 9/15 văn bản tục lệ là ghi chép quy định biện lễ trong tất cả các kỳ tế lễ. Cụ thể là xã Ứng Hòa (HU'N.352), xã Vĩnh Thị (HU'N.356), xã Đường Hiền (HU'N.363), làng Vĩnh Lộc (HU'N.370), làng Phú Cốc (HU'N.371), làng Ba Láng (HU'N.389), xã Hà Vĩ (HU'N.407), xã Thụy Phú (HU'N.431), xã Trát Cầu (HU'N.433). Ngoài ra, các văn bản tục lệ còn lại có tần suất ghi chép việc biện lễ trong các kỳ tế lễ chiếm tỉ lệ áp đảo, như: xã Đại Gia (HU'N.374) có 7/8 tiết lễ ghi chép quy định biện lễ, chiếm 87,5%; xã Bạch Liên (HU'N.417) có 11/13 tiết lễ ghi chép quy định biện lễ, chiếm 84,6%; thôn Yên Định (HU'N.436) có 9/10 tiết lễ ghi chép quy định biện lễ, chiếm 90%,.... Hai là, *Về số lượng tiết lễ ghi chép việc biện lễ*: Các tiết lễ cúng tế hàng năm dù ít hay nhiều đều có ghi chép quy định biện lễ, trong đó, có tới 24/41 tiết lễ ghi chép quy định biện lễ một cách đồng thời với số lần xuất hiện của các tiết lễ ấy. Bên cạnh đó, trong số 41 tiết lễ được đề cập trong các văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông, có một số ít tiết lễ được đề cập đến với tần suất khá nhiều và số lần hiện diện quy định biện lễ trong các tiết lễ ấy ở các văn bản tục lệ chiếm tỉ lệ gần như tương đương, đó là các tiết *Nguyên đán* (10/12 văn bản), *Cầu an* (9/11 văn bản), *Cầu phúc* (9/9 văn bản), *Đoan dương* (8/8), *Hạ điền* (9/9 văn bản), *Thượng điền* (7/7 văn bản), *Sóc vọng* (7/8 văn bản), *Thường tân* (7/8 văn bản), *Khai hạ* (6/7 văn bản). Có thể thấy, đây là những tiết lễ lớn, phổ biến và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

Như vậy, quy định về việc biện lễ (bao gồm lễ/cỗ cúng tế và đối tượng sắm lễ) trong các tiết lễ hàng năm của tỉnh Hà Đông là một trong những phần việc quan trọng, thiết yếu để tạo nên một kỳ tế lễ đầy đủ và hoàn chỉnh, và là nội dung có tính phổ quát và không thể thiếu của quy định trong hầu hết các tục lệ tế tự của các địa phương thuộc tỉnh Hà Đông. Hơn nữa, với tần xuất xuất hiện một cách đầy đủ cả hai tiêu chí trong quy định biện lễ (lễ vật cúng tế + đối tượng biện lễ) chiếm số lượng khá nhiều, đặc biệt là xã Vĩnh Thị (HUN.356), xã Thụy Phú (HUN.431) ghi chép trọn vẹn nội dung biện lễ trong tất cả các kỳ cúng tế. Điều này một lần nữa thể hiện rõ sự chú trọng đáng kể của quy định biện lễ trong tục tế tự các tiết lễ hàng năm của tỉnh Hà Đông. Song, để nắm bắt một cách rõ ràng hơn các quy định về biện lễ trong từng tiết lễ cụ thể, chúng tôi tiến hành tìm hiểu về lễ vật cúng tế và đối tượng biện lễ.

## 2.2. Lễ vật cúng tế và đối tượng biện lễ

Để có hình dung cụ thể, chi tiết về quy định biện lễ trong mỗi một tiết lễ cúng tế trong năm, chúng tôi đã có những thống kê chi tiết, cụ thể các tiết lễ có nội dung về việc biện lễ, phân nào có thể thấy diện mạo mang tính chất đặc trưng của quy định biện lễ trong các tiết lễ cúng tế, và mang tính đặc sắc của tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông nói riêng và Bắc Kỳ nói chung trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm.

Nhìn chung, các tiết lễ ghi chép nội dung biện lễ chiếm số lượng khá nhiều (39/41 tiết lễ) trong các văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông, trong đó, có một số ít tiết lễ được hầu hết các văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông chú trọng ghi chép nội dung biện lễ. Ngoài ra, các quy định về biện lễ trong các văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông đều đa phần ghi chép đầy đủ, cụ thể ở cả hai nội dung là lễ cúng tế và đối tượng sắm lễ. Có thể thấy, quy định biện lễ trong các kỳ cúng tế được ghi chép trong các văn bản tục lệ về tế tự bao gồm có 2 nội dung chủ yếu, đó là *lễ vật cúng tế* và *đối tượng biện lễ*. Cụ thể như sau:

### 2.2.1. Về lễ vật cúng tế

Theo số liệu thống kê, trong số 39 tiết lễ có tổng cộng 141 lần các văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông có ghi chép quy định về việc biện lễ, riêng mục về lễ vật cúng tế chỉ có 32/144 (chiếm 22,2%) lần các văn bản không ghi chép quy định lễ vật cúng tế, trong khi có tới 109/144 (chiếm 75,7%) lần ghi chép một cách khá cụ thể, chi tiết lễ vật cúng tế. Nhìn chung, các lễ vật cúng tế dùng vào các tiết lễ trong năm phổ biến gồm có: lợn, gà, xôi, rượu, oản, trầu cau,... Ngoài ra, một số tiết lễ còn có lễ quả (chuối tiêu, dưa chuột, cam quýt,...), bánh (bánh dày, bánh mật,...), vàng hồ, pháo, hương, nến,... Định mức của các lễ vật không quá nặng nề, đồng thời, có sự du di tùy thuộc vào năm được mua hay mất mùa mà quy định lễ cúng đầy đủ hoặc giảm bớt đi. Điều này cho thấy, quy định về lễ vật cúng tế ở trong từng tiết lễ là nội dung cần thiết và quan trọng trong tục lệ tế tự, do vậy sự hiện diện của nội dung này khá phổ biến trong hầu hết các kỳ tế lễ; lễ vật cúng tế không quá nặng nề, tốn kém, mà đặc biệt là có sự linh hoạt cần thiết trong việc sắm sửa lễ/cỗ cúng tế để phù hợp với điều kiện thực tế.

Hơn nữa, về nguồn kinh phí sắm lễ được ghi chép trong các văn bản tục lệ về tế tự tỉnh Hà Đông, cho thấy, đa số phí tổn mua sắm lễ/ cỗ cúng tế đều lấy từ nguồn quỹ công hoặc do làng đặt một số mẫu ruộng nhất định để chi phí cho việc sắm lễ, mà không có đòi hỏi người dân phải đóng góp để mua sắm lễ vật cúng tế các tiết lễ diễn ra thường xuyên liên tục trong suốt một năm. Đây có thể xem như là điểm sáng tích cực được phản ánh rõ trong các văn bản tục lệ về tế tự nói riêng, văn bản tục lệ nói chung của tỉnh Hà Đông trong giải đoạn cải lương hương tục thí điểm.

### 2.2.2. Về đối tượng biện lễ

Cũng theo số liệu thống kê chi tiết, cho thấy, trong tổng số 144 lần các văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông có ghi chép quy định biện lễ với gồm 39 tiết lễ, chỉ có 10/144 (chiếm 6,9%) số lần các văn bản không ghi đối tượng sắm lễ, còn lại có tới 134/144 lần (chiếm 93,1%) các văn bản ghi chép về đối tượng biện lễ trong hầu hết các kỳ tế lễ. Đối tượng mua sắm lễ trong các kỳ cúng tế khá đa dạng, đa tầng. Cụ thể đó là: *Lý hương dịch, giáp, Thủ tự, Thủ tự, Đương cai, điểm, Ba ông Cán biện, Hội Tư văn, Hội Hương lão, Thủ chỉ, Thôn trưởng, Tộc biểu, Tuần sương, Giáp lệnh, Câu đương, đồng dân, người từ 18-49 tuổi, tích*.

Trong số 134 lần các văn bản ghi chép về đối tượng sắm lễ trong các kỳ tế tự của tỉnh Hà Đông, bộ phận *Giáp* là đối tượng có số lần sửa biện lễ cao nhất, với 67/134 lần, chiếm tới 50%. Tiếp đến là bộ phận *Thủ từ, Thủ tự* có 11/134 lần sắm lễ, chiếm 8,2%; *Lý Hương dịch* và *đồng dân* đều có 9/134 lần sắm lễ, chiếm 6,7%; *Thủ chỉ, Thôn trưởng* có 8/134 lần sắm lễ, chiếm 5,97%. Còn lại, đa phần các đối tượng khác chỉ tham gia biện lễ với số lần khá khiêm tốn, như: *Tuần sương, Câu đương* và *Tích* đều có 1 lần sắm lễ; *điểm, Giáp lệnh* đều có 2 lần sắm lễ; *Hội Tư văn, Hội Hương lão* đều có 3 lần sắm lễ; *Đương cai giáp, Tộc biểu* và *người 18-49 tuổi* đều có 4 lần sắm lễ; *Ba ông cán biện* có 5 lần sắm lễ. Có thể thấy, bộ phận *Giáp* là đối tượng sắm lễ cúng tế chủ yếu, và dù ít hay nhiều đều xuất hiện trong hầu hết các tiết lễ cúng tế trong năm của tỉnh Hà Đông. Cụ thể hơn, *Giáp* là đối tượng có số lần sắm lễ chính và nhiều nhất trong các tiết lễ như: *Cầu an* (6/9 lần), *Cầu phúc* (7/9 lần), *Đại tịch* (3/3 lần), *Thường tân* (4/7 lần), *Trừ tịch* (2/3 lần), *Vào đám* (1/1 lần),... Ngoài ra, các đối tượng sắm lễ còn lại ít nhiều có sự phân biệt tùy theo từng tiết lễ mà tham gia việc sửa biện lễ vật cúng tế. Chẳng hạn như, *Thủ từ, Thủ tự* thường đảm nhiệm việc biện lễ vật cúng tế các tiết lễ *Sóc vọng, Cầu an, Cầu phúc, Giao thừa, Thượng nguyên*,...; *Lý Hương dịch* thường đảm nhiệm việc biện lễ vật cúng tế các tiết lễ *Đoan dương, Thượng Hạ điền, Khai hạ*,.... Hay, *Hội tư văn* thường đảm nhiệm việc biện lễ vật cúng tế các tiết lễ *Đinh, tế Xuân Thu, tế Tiên hiền*; *Hương lão* thường đảm nhiệm biện lễ vật cúng tế vào lễ *Đăng thờ*; *Tuần sương* đảm nhiệm sắm lễ cúng tiết *Hạ điền*;...

Như vậy, với tuần xuất xuất hiện nội dung biện lễ (bao gồm cả lễ vật cúng tế và đối tượng sắm lễ) khá phổ biến trong hầu khắp các quy định về tế tự được ghi chép trong các văn bản tục lệ của tỉnh Hà Đông, cho thấy, việc biện lễ trong các kỳ cúng tế trong năm là nội dung quan trọng, quyết định sự hoàn bị của một lễ tế; lễ vật cúng tế không quá cầu kỳ, phức tạp với chủ yếu là lễ lợn, gà, xôi, oản quả, trầu rượu..., hơn nữa, quy định sắm sửa lễ vật cúng tế có sự linh hoạt nhất định để phù hợp với tình hình thực tế trong năm; đối tượng sắm lễ chính yếu trong hầu hết các kỳ tế lễ đó là hàng giáp, tuy nhiên, các đối tượng sắm lễ khác vẫn ít nhiều có sự phân biệt phù hợp tùy theo từng tiết lễ cúng tế trong năm của tỉnh Hà Đông.

Mặc dù vậy, để thấy rõ hơn sự khác nhau và thay đổi về quy định biện lễ giữa các tiết lễ trên phương diện không gian và thời gian trong các kỳ tế lễ ở tỉnh Hà Đông, chúng tôi tiếp tục đi vào tìm hiểu sự khác biệt và thay đổi của quy định biện lễ dưới đây.

### 2.3. Sự khác nhau và sự thay đổi về quy định biện lễ

Trong các văn bản tục lệ của tỉnh Hà Đông, tục lệ tế tự không chỉ được ghi chép một cách khá đầy đủ, cụ thể về công việc biện lễ mà còn phản ánh được rõ nét sự khác nhau và thay đổi về quy định biện lễ. Cụ thể là:

#### 2.3.1. Sự khác nhau trong việc biện lễ giữa các tiết tế lễ trong năm

Tục lệ sửa biện lễ cho các tiết lễ trong một năm của tỉnh Hà Đông có sự khác nhau trên cả hai phương diện, đó là lễ vật cúng tế và đối tượng sắm lễ:

***Về sự khác nhau về lễ vật cúng tế giữa các tiết lễ trong năm:***

Có thể nói, sự khác nhau về lễ vật cúng tế giữa các kỳ tế lễ có thể tùy thuộc vào chất đặc trưng của từng tiết lễ, vào điều kiện thực tế năm được mùa hay mất mùa,... Theo thông kê cho thấy, với số lần văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông ghi chép quy định lễ vật cúng tế mang tính phổ biến ở hầu hết các tiết lễ (39 tiết lễ), với số lượng vượt trội (109/144 lần, chiếm 75,7%) theo một cách khá chi tiết, cụ thể, đã thể hiện rất rõ tính thiết yếu của nội dung này trong quy định về việc biện lễ nói riêng, về tục lệ tế tự nói chung của tỉnh Hà Đông.

Trong số 109 lần văn bản ghi chép về nội dung lễ vật cúng tế trong các kỳ tế lễ có chủ yếu là bò, lợn, gà, xôi, bánh oản, hoa quả, trầu, rượu và đồ thờ, đồ mã.. Tuy nhiên, lễ vật cúng tế giữa các tiết lễ có sự phân biệt khá rõ để nhằm phù hợp với tính chất đặc trưng của từng tiết lễ. Cụ thể là, *Về số lần của từng lễ vật: lễ trầu rượu* chiếm số lần xuất hiện nhiều nhất, với 79/109 lần, chiếm 72,5%; tiếp sau lần lượt là các lễ *oản bánh* (56/109 lần, chiếm 51,4%), *hoa quả* (51/109 lần, chiếm 46,8%), *xôi* (41/109 lần, chiếm 37,6%), *gà* (38/109 lần, chiếm 34,9%), và ít nhất là *đồ mã* (12/109 lần, chiếm 11%) và lễ *bò, lợn* (23/109 lần, chiếm 21,1%). Có thể nói, lễ *trầu rượu* là thành phần không thể thiếu, mang đậm nét đặc trưng trong tục lệ sắm lễ vật cúng tế của hầu hết các kỳ cúng tế hàng năm của tỉnh Hà Đông. Ngoài ra, các lễ vật cúng tế chủ yếu gồm có gà, xôi, oản bánh, hoa quả, đã dường như không tạo nên nhiều áp lực hay phiền phí nặng nề trọng việc sắm sửa lễ vật của người dân nơi đây. Hơn nữa, các phí tổn mua sắm lễ vật cúng tế chủ yếu lấy từ nguồn công quỹ, ruộng điền, mà không có mối bận tâm phải đóng góp cho các tiết lễ diễn ra quanh năm. *Về lễ vật giữa các tiết lễ:* lễ *bò, lợn* chủ yếu chỉ sắm sửa vào những tiết lễ lớn, quan trọng trong năm, như tiết lễ *Cầu an* (5/9 lần), *Cầu phúc* (4/9 lần), *Đại tịch* (2/3 lần), và các *Thượng Hạ điền, Thần đàn, vào đám*. Còn lại, những tiết lễ nhỏ hơn thường chỉ dùng lễ *gà, xôi* như tiết lễ *Nguyên đán, động thổ, Giao thừa, Khai ấn, Khai hạ, Thường tân*,... Hay, những tiết lễ mang tính định kỳ lại chỉ chủ yếu dùng lễ *xôi* hoặc *oản quả, trầu rượu*, như tiết lễ *Đoan dương, lễ Thánh mẫu, Sóc vọng, Tế Xuân Thu, Trung thu*,...

***Về sự khác nhau về đối tượng biện lễ giữa các tiết lễ trong năm***

Nhìn chung, đối tượng biện lễ trong các kỳ cúng tế được ghi chép trong một số văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông khá đa dạng và đa tầng, gồm có: *Lý hương dịch, giáp, Thủ tự, Thủ tự, Đương cai, điểm, Ba ông Cán biện, Hội Tư văn, Hội Hương lão, Thủ chỉ, Thôn trưởng, Tộc biểu, Tuần sương, Giáp lệnh, Câu đương, đồng dân, người từ 18-49 tuổi, tích*. Trong đó, hàng *Giáp* là đối tượng biện lễ mang tính phổ khắp trong hầu hết các tiết lễ cúng tế với số lần xuất hiện vượt trội (với 67/134 lần, chiếm tới 50%). Tiếp sau là *Thủ từ, Thủ tự* (11/134 lần sắm lễ, chiếm 8,2%); *Lý Hương dịch* và *đồng dân* (đều có 9/134 lần sắm lễ, chiếm 6,7%); *Thủ chỉ, Thôn trưởng* (có 8/134 lần sắm lễ, chiếm 5,97%). Các đối tượng biện lễ còn lại đa phần tham gia đảm nhiệm lễ vật cúng tế các tiết trong năm một cách khá ít ỏi với chỉ 1, 2 lần. Tuy nhiên, sự khác nhau về đối tượng biện lễ giữa các kỳ tế lễ thông qua sự phân biệt số lần biện lễ của các đối tượng trên có thể tùy thuộc vào tính chất đặc trưng và phù hợp của từng tiết lễ đối với từng đối tượng sắm lễ cụ thể. Chẳng hạn như, *Thủ từ, Thủ tự* thường đảm nhiệm việc biện lễ vật cúng tế các tiết lễ *Sóc vọng, Cầu an, Cầu phúc, Giao thừa, Thượng nguyên*,... ở đình, chùa; *Hội tư văn* thường đảm nhiệm việc biện lễ vật cúng tế các tiết lễ *Đình, tế Xuân Thu, tế Tiên*

hiền; Hương lão thường đảm nhiệm biện lễ vật cúng tế vào lễ Đấng thọ; Tuần sương đảm nhiệm sắm lễ cúng tiết Hạ điền;...

Như vậy, qua tìm hiểu sự khác nhau về việc biện lễ giữa các tiết cúng tế trong năm được ghi chép trong các văn tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông, có thể thấy, quy định về lễ vật cúng tế giữa các tiết lễ trong năm không có quá nhiều phiền hà, tốn kém, và có sự phân định khá cụ thể, rõ ràng (như: với các tiết lễ lớn và quan trọng trong năm thường dùng lễ bò, lợn; với các kỳ tế lễ nhỏ hơn thường dùng lễ gà, xôi; còn các tiết lễ mang tính chất định kỳ thường dùng bánh, oản, hoa quả). Song, riêng có lễ trâu, rượu luôn hiện hữu trong hầu hết các tiết lễ cúng tế trong năm, phần nào phản ánh nét phong tục mang tính đặc trưng của tục lệ tế tự nơi đây. Bên cạnh đó, đối tượng biện lễ trong các kỳ tế tự của tỉnh Hà Đông khá đa dạng, đa tầng, và ít nhiều cũng cho thấy sự khác biệt về đối tượng sắm lễ nhằm đảm bảo sự thích hợp cho từng tính chất đặc trưng của mỗi một tiết lễ cúng tế.

### 2.3.2. Sự thay đổi quy định về việc biện lễ giữa các tiết tế lễ trong năm

Theo sự dịch chuyển không ngừng của thời gian và những biến đổi mạnh mẽ diễn ra trong đời sống tinh thần của người dân, các tục lệ nói chung và tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông nói riêng đã ít nhiều phản ánh sự thay đổi để thích hợp với điều kiện thực tế. Do đó, nội dung quy định về việc biện lễ trong các tiết lễ cúng tế hàng năm được ghi chép trong các văn bản tục lệ về tế tự của tỉnh Hà Đông cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó.

Qua tìm hiểu, chọn lọc trong các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông đã nêu, chúng tôi nhận thấy có một số văn bản tục lệ ghi rõ sự thay đổi quy định biện lễ, nhất là sự thay đổi hương tục trước và sau khi cải lương như sau:

Theo tìm hiểu, khảo sát cho thấy, trong số khá nhiều văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông, các văn bản tục lệ ghi rõ sự thay đổi giữa tục cũ và tục mới về quy định biện lễ trong các kỳ tế tự chiếm số lượng khá khiêm tốn. Hơn nữa, số lượng tiểu mục tế tự được bảo lưu trong các văn bản ghi chép sự thay đổi chiếm tỉ lệ vượt trội. Tuy nhiên, với những ghi chép về sự thay đổi quy định biện lễ được đề cập trong các bản tục lệ Hán Nôm của tỉnh Hà Đông đã phần nào phản ánh được tinh thần biến chuyển, đổi mới về quan niệm, tư tưởng trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nơi đây, nhằm tạo nên sự hài hòa, phù hợp hơn trong một điều kiện và hoàn cảnh mới.

Sự thay đổi giữa tục cũ và tục mới về quy định biện lễ trong các kỳ tế lễ của tỉnh Hà Đông thể hiện rõ ràng, cụ thể ở bảng thống kê dưới đây.

**Bảng 2.** Sự thay đổi giữa tục cũ và tục mới về biện lễ trong các tiết tế lễ của tỉnh Hà Đông

| TT | Văn bản | Tiết lễ                       | Tục cũ         |                   | Tục mới                                                                           |                   | Ghi chú           |
|----|---------|-------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|    |         |                               | Lễ vật cúng tế | Đối tượng biện lễ | Lễ vật cúng tế                                                                    | Đối tượng biện lễ |                   |
| 1  | HƯN.356 | Nguyên đán, Vào đám, Mộc dục, | 0              | Giáp              | - Không ghi rõ<br>- [...] Năm mất mùa, đói kém thì hoãn, đồng dân đem 9 mẫu ruộng | Giáp              | Điều 24, tr17-19. |

|   |         |                                                                                      |                                                                                             |      |                                                                                                                     |                      |                              |
|---|---------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|
|   |         | Động<br>thỏ                                                                          |                                                                                             |      | ấy bán hủy vụ đi<br>để lấy tiền sung<br>công                                                                        |                      |                              |
|   |         | Ngày<br>mùng 1,<br>ngày<br>mùng 9<br>tháng<br>Giêng,<br>ngày<br>hôm lăm              | - Còn như<br>ngày trước lợn<br>rượu ăn uống<br>nhiều thì xin<br>thôi                        | 0    | - 1 cái thủ lợn, 60<br>phẩm oản, 3 chai<br>rượu                                                                     | Thủ tự               | Điều<br>30,<br>tr.22         |
| 2 | HƯN.389 | Lễ Tiên<br>lão                                                                       | 0                                                                                           | 0    | - Sủa trâu, rượu,<br>và nộp tiền làm<br>quỹ công trong<br>Hội lão<br>- Không được<br>theo tục cũ sủa cổ<br>lão nữa. | 0                    | Điều<br>111,<br>tr.35-<br>36 |
| 3 | HƯN.390 | Cầu<br>phúc,<br>Đoan<br>dương,<br>Trùng<br>cửu,<br>Thượng<br>nguyên,<br>Trung<br>thu | 0                                                                                           | 0    | - Làng xin giảm<br>đi, chỉ biện: trâu,<br>rượu                                                                      | Đương<br>cai<br>giáp | Điều<br>124,<br>tr.53        |
| 4 | HƯN.407 | Kỳ Đại<br>tịch                                                                       | - 4 con lợn                                                                                 | Giáp | - 1 con lợn                                                                                                         | Giáp                 | Điều<br>123,<br>tr.39-<br>40 |
| 5 | HƯN.421 | Đại Cầu<br>phúc                                                                      | - Không ghi<br>cụ thể<br>- Trước, mỗi<br>năm 1 ngày<br>giỗ Thành và 3<br>kỳ Đại Cầu<br>phúc | 0    | - Không ghi cụ<br>thể<br>- Bây giờ, (...)<br>làm 1 ngày Đại<br>Cầu phúc                                             | 0                    | Điều<br>129,<br>tr.69-<br>70 |
| 6 | HƯN.431 | Sóc<br>vọng                                                                          | 0                                                                                           | 0    | - Sau lễ chỉ dùng<br>trầu, rượu mà thôi                                                                             | 0                    | Điều<br>5,<br>tr.47          |

|             |          |                                    |                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                 |          |                   |
|-------------|----------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|
| 7           | AFa2/14  | Lễ Khai hạ                         | - Không ghi cụ thể<br>- Khi trước các giáp chỉnh lễ ấy ăn uống, phí nộp ba bốn trăm bạc | Giáp            | - Bây giờ xin cải rằng mỗi giáp rượu 1 chai, gà 2 cân, xôi 10 đấu, trầu 10 khẩu                                                                                 | Giáp     | Điều 10, tr.4a    |
|             |          | Ngày mùng 9 tháng Giêng, cúng Phật | - Không ghi cụ thể<br>- Trước phí năm sáu trăm bạc                                      | 0               | - Bây giờ xin cải rằng:(...) sửa 30 đấu xôi ba, 100 quả chuối, <b>9 bát chè mật mà thôi</b>                                                                     | Giáp     | Điều 11, tr.4b    |
|             |          | Tế quán                            | Sửa lợn làm lễ                                                                          | Giáp đương cai  | 6 cân lợn, 60 đấu xôi, 6 chai rượu, 100 khẩu trầu                                                                                                               | Công dân | Điều 13, tr.4b    |
|             |          | Xuân tế                            | 0                                                                                       | Cả dân cùng sửa | Sửa một tiệc, 1 lợn làm lễ                                                                                                                                      | Giáp     | Điều 14, tr.5a    |
|             |          | Lễ Cắm đằm                         | - Không ghi rõ<br>- Sửa phí ước 100 bạc                                                 | Giáp đương cai  | - Nay xin sửa, 6 cân lợn, 60 đấu xôi, 6 chai rượu, 300 khẩu trầu                                                                                                | 0        | Điều 17, tr.5b    |
|             |          | Lễ com mới                         | - Không ghi rõ<br>- Trước sửa phí lắm                                                   | 0               | Nay, [...] 6 cân lợn, 60 đấu xôi, 6 chai rượu, 300 khẩu trầu, 5 đấu gạo mới                                                                                     | Lý dịch  | Điều 18, tr.5b-6a |
| 8           | AFa2/44  | Giỗ Hậu                            | - Lợn, xôi, trầu, rượu                                                                  | 0               | - Nay xin đổi, [...] 1 mâm oản quả, trầu, rượu<br>- Duy chỉ đến ngày 16 tháng 10 sửa biện 1 thủ lợn, 4 mâm oản cùng trầu, rượu, [...] để tránh phiền hà nặng nề | 0        | Điều 15, tr.8b    |
| <b>Tổng</b> | <b>8</b> | <b>14</b>                          | <b>9</b>                                                                                | <b>6</b>        | <b>14</b>                                                                                                                                                       | <b>9</b> | <b>15</b>         |

Qua bảng thống kê nêu trên, cho thấy, quy định *lễ vật cúng tế* và *đối tượng biện lễ* là hai nội dung chính yếu, góp phần quan trọng trong việc làm nên hoàn bị của một tiết lễ cúng tế, đồng thời, những thay đổi giữa tục cũ và tục mới của hai nội dung này cũng phản ánh được sự

tính chất đổi mới về mặt quan niệm, tư tưởng, chi phí,... đối với tục lệ tế tự của người dân tỉnh Hà Đông. Cụ thể như sau:

*Về lễ vật cúng tế:* Ở *tục lệ cũ*, quy định lễ vật cúng tế đa phần ghi chép có tính chất chung chung về sự phiên phí tiền bạc, ăn uống tốn kém, số lễ rườm rà; trong đó, có 3/9 trường hợp được ghi cụ thể hơn về lễ vật cúng tế (HUN.407, AF.a2/14, AF.a2/44) gồm có lợn, xôi, trầu, rượu. Ở *tục lệ mới*, có tất cả 14/14 trường hợp lễ vật cúng tế được đề cập đến trong các kỳ tế lễ hàng năm, với sự ghi chép khá cụ thể các lễ vật cúng tế. Sự chuyển biến sáng rõ nhất giữa *tục cũ* sang *tục mới*, đó là sự tiết giảm lễ vật cúng tế nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí sắm lễ, giảm bớt số lượng tiết lễ rườm rà, và những cuộc ăn uống tốn kém. Chẳng hạn như, về số lượng lễ *lợn* đã giảm từ 4 con lợn của *tục cũ* xuống còn 1 con lợn (*Kỳ Đại tịch* – HUN.407, điều 123, tr.39-40); về số tiết lễ rườm rà đã giảm từ “Trước, mỗi năm 1 ngày giỗ Thần và 3 kỳ Đại Cầu phúc”, nay xuống còn làm “1 ngày Đại cầu phúc” (*Lễ Cầu phúc* – Điều 129, tr.69-70); về ăn uống phiên phí đã giảm từ “Khi trước các giáp chỉnh lễ ấy ăn uống, phí nộp ba bốn tấm bạc”, nay “xin cải rằng mỗi giáp 1 chai rượu, 2 cân gà, 10 đầu xôi, 10 khẩu trầu” (*Lễ Khai hạ* - Điều 10, tr.4a);...

*Về đối tượng biện lễ:* Sự thay đổi rõ nét giữa *tục cũ* và *tục mới* về đối tượng sắm lễ lại chủ yếu là hàng giáp, Thủ tự, Lý dịch, Đương cai. Có thể thấy, ở *tục cũ*, có 6/14 trường hợp ghi cụ thể đối tượng sắm lễ, trong đó, 5 trường hợp đối tượng sắm lễ là *giáp/giáp đương cai*, và 1 trường hợp đối tượng sắm lễ là *cả dân*; ở *tục mới*, có 9/14 trường hợp ghi cụ thể đối tượng sắm lễ, trong đó, có 6 trường hợp đối tượng sắm lễ là *giáp/giáp đương cai*, 3 trường hợp còn lại lần lượt có các đối tượng sắm lễ là *Thủ tự, Lý dịch*, và *cả dân*. Như vậy, một điểm chung của đối tượng sắm lễ ở ngay cả những văn bản *tục lệ* ghi nhận sự thay đổi giữa *tục cũ* và *tục mới*, đó là đối tượng sắm lễ hàng *giáp/giáp đương cai* luôn chiếm số lượng vượt trội và hiện diện ở nhiều tiết lễ cúng tế hàng năm của người dân tỉnh Hà Đông.

Qua những tìm hiểu, phân tích về sự thay đổi có tính khác biệt, đột phá và mới mẻ giữa *tục cũ* và *tục mới* về quy định biện lễ trong các tiết cúng tế hàng năm được ghi nhận trong một văn bản *tục lệ* Hán Nôm về tế tự của tỉnh Hà Đông, cho thấy, với việc giảm đáng kể gánh nặng về chi phí sắm lễ các tiết cúng tế trong năm, cắt bỏ *tục lệ* ăn uống tốn kém, thu gọn bớt số lượng tiết lễ rườm rà không cần thiết,... đã làm nổi bật lên điểm sáng tích cực, thể hiện sự biến chuyển mới mẻ của quy định biện lễ trong các tiết cúng tế nói riêng, và *tục lệ* về tế tự của tỉnh Hà Đông nói chung.

### 3. KẾT LUẬN

Trên đây, chúng tôi đã trình bày một cách tương đối đầy đủ, cụ thể về quy định biện lễ trong các kỳ tế lễ được ghi chép trong một số văn bản *tục lệ* Hán Nôm tỉnh Hà Đông. Đó là thống kê và trình bày một cách cụ thể những tiết lễ cúng tế có ghi chép về việc biện lễ; tìm hiểu, phân tích những quy định về việc biện lễ trong các tiết lễ cúng tế với 2 nội dung chính là *lễ vật cúng tế* và *đối tượng sắm lễ*; hơn nữa, việc phản ánh sự khác nhau và thay đổi về quy định biện lễ ở cả nội dung chính đã phần nào cho thấy sự phân biệt đáng kể của các lễ vật cúng tế, đối tượng sắm lễ để phù hợp với tính chất riêng của từng tiết lễ tế, đồng thời, còn phản ánh khá chi tiết, cụ thể những đổi mới giữa *tục cũ* và *tục mới* nhằm làm nổi bật lên những điểm sáng tích cực của sự đổi mới đó các *tục lệ* trong tỉnh Hà Đông nói riêng và cả nước nói chung. Từ đó, có thể giúp cho việc nhìn nhận về quy định biện lễ trong các kỳ tế lễ nói riêng, *tục lệ* tế tự của tỉnh Hà Đông

nói chung được rõ ràng và toàn diện hơn, đồng thời, việc tìm hiểu còn góp phần cung cấp nguồn tư liệu có giá trị trong việc tìm hiểu các vấn đề về văn hóa, lịch sử diễn ra trong đời sống làng xã Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Phương Chi (2013). Sự thay đổi về tế tự trong cải lương hương tục thí điểm tại Bắc kỳ qua các văn bản tục lệ chữ Nôm. *Tạp chí Hán Nôm*, số 4/2013.
2. Đào Phương Chi (2015). *Giải mã hiện tượng dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ khái niệm “cải lương” trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm Nghiên cứu Lịch sử*. số 9/2015.
3. Phan Kế Bính (1990). *Việt Nam phong tục*. Nxb. Tổng hợp Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Bùi Xuân Đỉnh (2021). *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, 951tr.
5. Bùi Xuân Đỉnh (1998). *Hương ước và quản lý làng xã*. Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Vũ Duy Mền (2000). Vài nét về hình thức văn bản hương ước làng Việt cổ truyền. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1/2000.
7. Nhất Thanh (1992). *Đất quê lễ thói*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Đinh Khắc Thuân (2006). *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội.

### LEARN ABOUT THE REGULATIONS FOR BUYING OFFERINGS DURING SACRIFICE PERIODS THROUGH SOME HAN NOM CUSTOMARY DOCUMENTS OF HA DONG PROVINCE

**Abstract:** *Sacrifice is one of the important customs, present in most Han Nom customary documents of Ha Dong province. In particular, regulations on sacrificial offerings and objects of buying offerings are the main content of the sacrificial custom during the annual sacrificial periods. Learning about the content of buying offerings regulations, about the differences and changes in buying offerings regulations, aims to identify the characteristics of buying offerings regulations in sacrificial periods as well as better understand the nature of the change in buying offerings regulations between old and new customs of the sacrificial customs of Ha Dong province in particular, and Bac Ky in general during the pilot period of reformed customs.*

**Keywords:** *Buy offerings, sacrifice, offering, Ha Dong province, custom.*